

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản số: 49/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 02-3-2023

Về việc: “Xin ly hôn...” .

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Tuyết Mai và bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

-Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Trọng Khánh – Cán bộ Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định.

-Đại diện VKSND huyện T tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 344/2022/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 10 năm 2022, về việc: “Xin ly hôn, nuôi con chung”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2023/QĐST – DS, ngày 13 tháng 01 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 125/2023/QĐST-DS, ngày 09 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị L, sinh năm 1990, có mặt.

Địa chỉ: Thôn C, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định.

Bị đơn Hà Minh T, sinh năm 1986, có mặt.

Địa chỉ: Thôn CA1, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 6 năm 2022, tại các bản khai và tại phiên tòa Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: Giữa chị với anh Hà Minh T tự tìm hiểu thời gian khoảng 01 năm và tự nguyện kết hôn tại UBND xã P, vào ngày 28-01-2015. Vợ chồng sống hạnh phúc 8 năm thì xảy ra mâu thuẫn, Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau. Hai bên gia đình hòa giải nhưng vợ chồng không thể hàn gắn. Vợ chồng không còn chung sống từ tháng 9 năm 2021 cho đến nay. Nay chị L yêu cầu ly hôn với anh T. Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Hà Nguyễn Quế C, sinh ngày 30-6-2015, Hà Nguyễn Diệp N, sinh ngày 14-11-2016, hiện hai con đang ở cùng chị. Nay ly hôn chị L xin nuôi cả hai con, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản

chung, nhưng đã tự thỏa thuận với nhau nên không yêu cầu Tòa giải quyết. Về nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra chị L không có yêu cầu gì khác.

Đối với bị đơn Hà Minh T có bản khai và tại phiên tòa anh T trình bày: Giữa anh với Nguyễn Thị L tự đến với nhau, kết hôn tại UBND xã P vào năm 2015. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 8 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân: quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Gia đình hai bên đã hòa giải nhưng vợ chồng không thể hàn gắn. Nên từ tháng 9 năm 2021 vợ anh đã đưa con về ở nhà cha mẹ vợ, vợ chồng không còn chung sống với nhau. Vì vậy vợ anh xin ly hôn thì anh đồng ý. Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là Hà Nguyễn Quế C, sinh ngày 30-6-2015, Hà Nguyễn Diệp N, sinh ngày 14-11-2016, hiện hai con đang ở cùng vợ anh. Nay ly hôn anh xin nuôi Hà Nguyễn Diệp N, anh không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con, tại phiên tòa anh T đồng ý giao 2 con cho chị L nuôi dưỡng. Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung nhưng đã tự thỏa thuận với nhau nên không yêu cầu Tòa giải quyết. Về nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra anh T không có yêu cầu gì khác.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị L và anh T. Về quan hệ nuôi con chung: đề nghị ghi nhận sự thỏa thuận của chị L và anh T giao hai con chung của chị L và anh T tên là Hà Nguyễn Quế C, sinh ngày 30-6-2015, Hà Nguyễn Diệp N, sinh ngày 14-11-2016, cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Về quan hệ tài sản chung: Chị L và anh T khai có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết, không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Tòa không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là anh Hà Minh T cư trú tại Thôn CA1, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2].1 Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị L thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Giữa chị Nguyễn Thị L và anh Hà Minh T tự tìm hiểu và tự nguyện kết hôn từ năm 2015, có đăng ký kết hôn số 11 ngày 28-11-2015 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Bình Định nên hôn nhân giữa chị L và anh T là hợp pháp. Theo chị L và anh T khai trong thời gian sống chung vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian, sau đó vợ chồng mâu thuẫn và không sống chung từ năm 2021 cho đến nay. Nay chị L yêu cầu Tòa giải quyết cho chị ly hôn thì anh T đồng ý. Nên Tòa ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị L và anh T.

[2].2 Về quan hệ nuôi con chung: Chị L và anh T có hai con chung tên là Hà Nguyễn Quế C, sinh ngày 30-6-2015, Hà Nguyễn Diệp N, sinh ngày 14-11-2016, hiện đang ở cùng chị L. Nay ly hôn chị L xin nuôi cả hai con, anh T có nguyện xin nuôi cháu N. Tại phiên tòa anh T đồng ý giao hai con cho chị L nuôi nên Hội đồng xét xử xét đã xác minh và xem xét ý kiến của cháu C có mong muốn ở với chị L nên ghi nhận sự thỏa thuận của chị L và anh T giao hai con chung cho chị L là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L, anh T không yêu cầu cấp dưỡng nên Tòa không xét.

[2].3 Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh T khai có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết, không có nợ không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc chị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn để sung vào Ngân sách Nhà nước. Tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp được khấu trừ vào án phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 BLTTDS; Điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Hà Minh T.

[2] Về quan hệ nuôi con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị L và anh T giao hai con chung tên là Hà Nguyễn Quế C, sinh ngày 30-6-2015, Hà Nguyễn Diệp N, sinh ngày 14-11-2016, cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, hiện hai con đang ở cùng chị L. Về cấp dưỡng nuôi con: Tòa không xét. Bên không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết các bên

có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như tiền cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về quan hệ tài sản chung: Tòa không xét.

[4] Về án phí DSST: Buộc chị L phải chịu 300.000đ về án phí ly hôn sung vào Ngân sách Nhà nước. Tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0006463, ngày 27-10-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T được khấu trừ vào tiền án phí.

[5] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (02-3-2023)

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành. Nếu bên phải thi hành không thực hiện nghĩa vụ đã tuyên thì bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015 tương ứng thời gian chậm thi hành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

-Các bên đương sự
-VKSND huyện T
-Chi cục THADS huyện T
-Phòng GDKT TAND tỉnh Bình Định .
-UBND xã P
Số 11, ngày 28-01-2015)
-Lưu hồ sơ .

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Bích Thủy